

# CHUYÊN SAN

## NÔNG THÔN - MIỀN NÚI

### TRONG SỐ NÀY

#### VĂN BẢN - CHÍNH SÁCH

- \* **Tạm giữ nguyên** ..... 2
- \* **Năm 2020,**..... 4

#### KHOA HỌC VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ

- \* **Những điển hình** ..... 6
- \* **Già làng** ..... 9
- \* **Một thanh niên** ..... 10
- \* **Nhà “Sáng tạo”** ..... 12
- \* **Chuyện một thầy** ..... 14
- \* **Kỹ thuật mới** ..... 16
- \* **Một số phương pháp**..... 18

#### BẠN CỦA NHÀ NÔNG

- \* **Chăm sóc** ..... 21
- \* **Trừ mầm bệnh** ..... 23
- \* **Bệnh tai xanh** ..... 24
- \* **Chống rét** ..... 26
- \* **Bưởi** ..... 27

**Tổng biên tập:**

**ThS. HÀ VĂN QUÊ**

**Phó tổng biên tập:**

**KS. LƯƠNG VĂN THÀNH**

**Thư ký biên tập:**

**KS. LÊ HẢI BĂNG**

**Biên tập:**

**PHÒNG THÔNG TIN KHCN**

**Trình bày:**

**NGỌC TRUNG**

**Địa chỉ tòa soạn:**

**Số 71, đường Nguyễn Văn Cừ,**

**TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang**

**Điện thoại: (0240) 3829094;**

**Fax: (0240) 3855476**

**Email:**

**Tapchikhenbacgiang@gmail.com**

**Giấy phép xuất bản số: 05/GP-STTTT**

**In tại: Công ty CP in Bắc Giang**

## TẠM GIỮ NGUYÊN MỨC HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN TẠI HUYỆN NGHÈO

*Trước mắt, chưa điều chỉnh đầu tư năm 2009-2010 của một số chính sách, dự án thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006- 2010 áp dụng cho các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, ngày 27/12/2008.*

Cùng với ý kiến chỉ đạo trên, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Sinh Hùng giao Ủy ban Dân tộc chủ trì việc nghiên cứu, đề xuất để sửa đổi căn bản các cơ chế, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc áp dụng cho giai đoạn 2011-2015.

Được biết, thời gian qua, cùng với việc ban hành Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc Chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (Chương trình 135 giai đoạn II). Đây là những quyết sách có ý nghĩa quan trọng góp phần hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các xã đặc biệt khó khăn và cụ thể là 61 huyện nghèo nhất nước hiện nay.

Tháng 8 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định, đối với các thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II, định mức đầu tư các hợp phần cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát

triển sản xuất được tăng lên mức 200 triệu đồng/thôn, bản/năm và 50 triệu đồng/thôn, bản/năm so với trước đây ở mức 150 triệu đồng/thôn, bản/năm và 30 triệu đồng/thôn, bản/năm (Quyết định 101/2009/QĐ-TTg).

Tương tự, đối với các xã thuộc Chương trình 135, định mức đầu tư hợp phần cơ sở hạ tầng được nâng lên 1 tỷ đồng/năm/xã, so với mức 800 triệu đồng/năm/xã trước đây; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cũng được nâng lên mức 300 triệu đồng/xã/năm, so với mức cũ 200 triệu đồng/xã/năm; dự án đào tạo cán bộ xã, cộng đồng vẫn giữ nguyên mức là 60 triệu đồng/xã/năm.

Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ cũng đã quyết định thay đổi lớn đối với các chính sách hỗ trợ dịch vụ nâng cao đời sống tại hợp phần 4, trong đó mở rộng đối tượng hỗ trợ học sinh là con hộ nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục phổ thông đều được hưởng mức 140.000 đồng/tháng/học sinh chứ không chỉ giới hạn đối với học sinh con hộ nghèo nhưng phải học bán trú mới

được hưởng như trước đây. Thủ tướng Chính phủ cũng cho phép kéo dài nội dung hỗ trợ học sinh này cho tới hết tháng 5/2011.

Theo số liệu của Ủy ban Dân tộc, trong 3 năm triển khai Chương trình 135, hầu hết các tỉnh

đều đã thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng khá tốt, lựa chọn công trình đúng quy hoạch, hợp lòng dân. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã tạo điều kiện tích cực cho đồng bào các dân tộc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tiếp thu và áp dụng các kiến thức khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, từng bước thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu, quy mô sản xuất được mở rộng, các ngành nghề, dịch vụ, phục vụ sản xuất được chú trọng và phát triển hơn. Cụ thể như: Hỗ trợ bò cho những hộ nghèo, thiếu sức kéo, chưa có bò; hỗ trợ bằng giống lúa năng suất cao, phân bón, thuốc trừ sâu; xây dựng mô hình trồng lúa-cá, trồng nấm,..., kết hợp với tập huấn khuyến nông; hỗ trợ máy móc phục vụ sản xuất.

Tính riêng năm 2008, Chính phủ đã dành 3.800 tỷ đồng cho Chương trình 135 giai đoạn II, hỗ trợ đầu tư rất

### **Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Giàng Seo Phừ tiếp xúc với đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang**

quan trọng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng mới được hơn 500 công trình trong phạm vi cả nước, chủ yếu là các chương trình về hạ tầng giao thông, giáo dục, y tế và tăng cường nhận thức pháp luật cho đồng bào các dân tộc thiểu số...

Rõ ràng là, các chính sách Chính phủ ban hành nhằm hỗ trợ, giải quyết khó khăn, phát triển kinh tế-xã hội ở các địa phương nhất là trong bối cảnh suy thoái kinh tế hiện nay, đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước, Chính phủ đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đồng thời thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội các vùng đặc biệt khó khăn.

**GIA VI**

## NĂM 2020, THU NHẬP CỦA NGƯỜI SẢN XUẤT LÚA CAO GẤP 2,5 LẦN

*Ngày 23/12/2009, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký Nghị quyết số 63/NQ-CP về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Sau năm 2012 đảm bảo 100% người dân ở mọi nơi, mọi lúc có đủ lương thực. Đó là một mục tiêu quan trọng trong Nghị quyết đảm bảo an ninh lương thực quốc gia của Chính phủ.*

Nghị quyết đánh giá, sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân 3,7%/năm trong giai đoạn 2001 - 2008, cao hơn khoảng 3 lần tốc độ gia tăng dân số trong cùng kỳ. Sản xuất lúa gạo đã đảm bảo nhu cầu trong nước và xuất khẩu bình quân khoảng 4 - 5 triệu tấn gạo/năm.

Tình trạng suy dinh dưỡng của người dân được cải thiện. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đã giảm từ 25% vào năm 2005 đến năm 2008 còn 20%, đạt trước mục tiêu kế hoạch của năm 2010.

Về mục tiêu chung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, phải bảo đảm đủ nguồn cung cấp lương thực với sản lượng cao hơn tốc độ tăng dân số; chấm dứt tình trạng thiếu đói lương thực, nâng cao chất lượng bữa ăn; bảo đảm cho nông dân sản xuất lúa có lãi bình quân trên 30% so với giá thành sản xuất.

Đến năm 2020, bảo vệ quỹ đất lúa 3,8 triệu ha để có sản lượng 41 - 43 triệu tấn lúa đáp ứng tổng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu khoảng 4 triệu tấn gạo/năm; diện tích trồng cây ăn quả

1,2 triệu ha, sản lượng 12 triệu tấn; rau các loại 1,2 triệu ha, sản lượng 20 triệu tấn... Chăn nuôi đạt sản lượng thịt hơi các loại 8 triệu tấn, sữa tươi 1 triệu tấn, trứng gia cầm 14 tỷ quả; sản lượng khai thác thủy sản 2,4 triệu tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản 4 triệu tấn.

Đến năm 2020, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, hướng tới cân đối dinh dưỡng và nâng cao mức tiêu thụ calo bình quân hàng ngày lên 2.600 - 2.700 Kcalo/người và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 5%.

Cải thiện cơ cấu và chất lượng tiêu dùng lương thực, đạt mức tiêu thụ bình quân/người vào năm 2020: Gạo giảm xuống còn 100kg, thịt các loại 45kg, cá các loại 30kg, quả các loại 50kg, rau các loại 120kg, tăng mức tiêu dùng trứng, sữa gấp 2 lần so với hiện nay. Toàn bộ nông sản, lương thực tiêu thụ trên thị trường đạt chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm.

Chấm dứt tình trạng thiếu đói lương thực vào năm 2012. Sau năm 2012 đảm bảo 100% người dân ở mọi nơi, mọi lúc có đủ lương thực.

Đảm bảo thu nhập cho người sản

xuất lương thực đến năm 2020 cao hơn 2,5 lần so với hiện nay.

Về giải pháp, để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 diện tích đất lúa cần phải giữ là 3,8 triệu ha, trong đó 3,2 triệu ha đất lúa sản xuất hai vụ trở lên, có thủy lợi hoàn chỉnh.

Tăng cường năng lực cho nghiên cứu khoa học, khuyến nông, thông tin và hợp tác quốc tế liên quan đến an ninh lương thực; ngân sách nhà nước hàng năm đầu tư cho lĩnh vực này tăng 10 - 15%.

Tăng cường đào tạo nông dân về khoa học kỹ thuật và kiến thức quản lý theo phương thức phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất lương thực và tăng thu nhập, đến năm 2020 đạt 50% người sản xuất lương thực đã qua đào tạo...

Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm chi phí sản xuất để đảm bảo cho người sản xuất lúa gạo có lãi trên 30% so với giá thành sản xuất là mục tiêu quan trọng của Chính phủ. Bên cạnh đó, cần có các biện pháp khuyến khích nông dân giữ đất lúa, không để xảy ra tình trạng lấy đất lúa làm khu công nghiệp, sân golf, kinh doanh dịch vụ...

Chính phủ cũng tiếp tục thực hiện những chính sách hỗ trợ nông dân xây dựng ruộng bậc thang ở miền núi, nhằm làm tăng thêm diện tích trồng lúa, đảm bảo lương thực cho vùng sâu, xa.

Tránh tình trạng hiện nay tại một số địa phương, lúa thu hoạch xong, không có kho chứa theo quy chuẩn, dẫn đến việc chất lượng gạo bị giảm thấp.

Nghị quyết Chính phủ nêu rõ yêu cầu khẩn trương triển khai dự án đầu tư xây dựng kho chứa lúa gạo, đến năm 2012 phải hoàn thành việc xây dựng kho chứa 4 triệu tấn đã được quy hoạch.

Một vấn đề quan trọng của sản xuất lương thực là hoàn thiện hệ thống lưu thông, xuất khẩu và tiêu thụ hợp lý. Vì vậy, Bộ Công thương phải xây dựng cơ chế điều hành sản xuất, xuất khẩu lương thực linh hoạt. Kết hợp tốt giữa dự trữ lưu thông và dự trữ nhà nước để đảm bảo yêu cầu cứu trợ lương thực, thực phẩm trong trường hợp khẩn cấp.

Chính phủ cũng yêu cầu trong quý I/2010, Bộ Tài chính phải đưa được ra mức đề xuất hợp lý lượng lúa gạo dự trữ quốc gia và lượng lúa gạo lưu thông; sớm hoàn thành Đề án bảo hiểm nông nghiệp, trước mắt là bảo hiểm sản xuất lúa gạo trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đề kiện toàn và có hệ thống giám sát an ninh lương thực quốc gia một cách đầy đủ, quy chuẩn, Chính phủ giao Bộ Nội vụ nghiên cứu đề xuất việc thành lập Ủy ban an ninh lương thực quốc gia.

Hiện nay, nước ta là một trong những quốc gia có nền an ninh lương thực tương đối vững vàng với sản lượng gạo xuất khẩu đứng thứ 2 thế giới. Hiệp hội lương thực Việt Nam (VFA) cho biết, tính đến thời điểm đầu tháng 12/2009, số lượng gạo đăng ký xuất khẩu của Việt Nam đã lên tới hơn 6,7 triệu tấn./.

**KIM TÂN**



## NHỮNG ĐIỂN HÌNH NÔNG DÂN SÁNG TẠO, SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỎI

Sơn Hải

*Hội Nông dân phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh tổ chức Hội nghị biểu dương hộ nông dân sáng tạo, sản xuất kinh doanh giỏi và trao giải cuộc thi Sáng tạo kỹ thuật nhà nông lần thứ 3 cho 50 hộ nông dân tiêu biểu và 7 cá nhân đạt giải. Đó là những điển hình tiêu biểu đại diện cho gần 90.000 hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi trong toàn tỉnh đã ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, có nhiều sáng kiến trong sản xuất kinh doanh, tích cực tham gia các hoạt động giúp nhau phát triển sản xuất và được địa phương công nhận là hộ nông dân sáng tạo, sản xuất kinh doanh giỏi. Xin giới thiệu một số điển hình sản xuất kinh doanh giỏi để bạn đọc tham khảo:*

**T**rong số các gương điển hình có nông dân Bùi Đức Long ở phố Kép, xã Hồng Giang (Lục Ngạn) được coi là nông dân sản xuất kinh doanh giỏi nhất ở Lục Ngạn với ý định táo bạo: “Đưa cây cam đường canh xuống đồng ruộng sinh lầy chỉ cấy được một vụ không ăn chắc”. Để có vốn đầu tư, anh Long đã “lấy ngắn nuôi dài” trồng xen cây đu đủ Đài Loan với cây cam. Do chọn giống tốt cùng với chăm sóc đúng kỹ thuật vụ đu đủ đầu tiên anh đã thu lãi 92 triệu đồng. Có vốn, anh đầu tư mua thêm 1,2 mẫu vải thiều liên kề trang trại mình và mạnh dạn phá bỏ cây vải thiều để trồng cây cam đường canh có hiệu quả kinh tế cao hơn. “Đất chẳng phụ công người” từ vụ cam đầu tiên anh thu lãi 170 triệu đồng; năm 2007 thu lãi 720 triệu đồng; năm 2008 do ảnh hưởng của cơn bão số 6 thu

lãi 80 triệu đồng; năm 2009 sản lượng ước tính đạt 80 tấn quả cho thu nhập khoảng 1,6 tỷ đồng. Bằng kinh nghiệm, óc sáng tạo anh đã áp dụng phương pháp dùng hóa chất làm cho cây ra hoa đậu quả thay bằng phương pháp thủ công tiết kiệm 69 triệu đồng. Thành công từ mô hình trang trại của mình, anh đã giúp 22 hộ nông dân trồng cam với giống, vốn, kỹ thuật... trị giá 26 triệu đồng, tạo việc làm thường xuyên cho 10 lao động. Chia sẻ kinh nghiệm với mọi người, anh Long cho biết: “Cam đường canh là loại cây siêu lợi nhuận nhưng lại rất khó tính, muốn thành công thì người trồng phải hội tụ đủ 3 yếu tố đó là giàu về kinh tế, giàu về tri thức, kinh nghiệm sản xuất và giàu lòng tâm huyết với cây. Thiếu một trong 3 yếu tố trên sẽ khó thành công”.

Đến từ một xã vùng cao thuộc diện

đặc biệt khó khăn của huyện Sơn Động, ông Chu Văn Quỳnh được nông dân trong và ngoài tỉnh biết đến với giải pháp: “*Chế tạo máy tuốt lúa hộ gia đình*” đã được giải khuyến khích cuộc thi: “*Sáng tạo kỹ thuật nhà nông*” lần thứ 3. Xuất phát từ đặc điểm của địa phương, ông đã nghiên cứu, tự chế máy tuốt lúa bằng khung gỗ dùng chân đạp sau đó cải tiến dùng mô tô điện hoặc máy nổ nhỏ làm động cơ, cải tiến bộ phận đập lúa, bộ khung máy gồm có sàng thóc, giá đỡ động cơ điện... sau khi cải tiến, đưa vào sử dụng khắc phục được những nhược điểm cũ và có nhiều tính ưu việt đó là máy có bộ phận đập lúa và sàng thóc; bông lúa, lá lúa, rơm không bị nhàu nát và sạch thóc; độ rung nhẹ, ít tiếng ồn,... Bên cạnh đó, máy có tính năng gọn nhẹ, dễ vận chuyển, có thể sản xuất trên mọi địa hình giá cả lại phù hợp với nông dân; khi sử dụng tiết kiệm điện, máy làm 100% bằng sức nên không ảnh hưởng đến khai thác rừng tự nhiên và môi trường sinh thái. Gia đình ông đã sản xuất và cung ứng ra thị trường trên 1.000 chiếc phục vụ nông dân trong và

### **Phó Bí thư Tỉnh ủy Nông Quốc Tuấn trao giấy khen và phần thưởng cho các hộ nông dân sáng tạo, SXKD giỏi**

ngoài tỉnh đồng thời tạo việc làm ổn định cho 5 lao động địa phương thu nhập trên 1 triệu đồng/ tháng.

Một điển hình trong mạnh dạn chuyển đổi nghề là ông Đỗ Vinh Thuý ở thôn 3, xã Nghĩa Hưng, ông là một trong những hộ đầu tiên chuyển sang nghề làm nấm của huyện Lạng Giang. Từ 1 trong 10 hộ tham gia mô thử nghiệm nghề trồng nấm mộc nhĩ của xã, ông đã cải tiến, áp dụng đúng kỹ thuật của từng loại nấm, nấm chắc được thời vụ, nhiệt độ thích hợp của từng loại nấm đồng thời áp dụng những sáng kiến như dùng chế phẩm sinh học để ủ nguyên liệu và xử lý nhà xường; cải tiến công nghệ rút ngắn thời gian ủ nấm sò bằng nguyên liệu

bông phê thải, dùng bơm nước để tưới bán tự động... do đó luôn đạt năng suất, chất lượng cao. Đến nay, gia đình ông đã có một trang trại rộng gần 0,5 ha với quy mô khép kín từ trồng, chế biến và tiêu thụ nấm, hàng năm thu lãi gần 150 triệu đồng.

Là nông dân tại phường Mỹ Độ (TP Bắc Giang) do quá trình đô thị hoá, đất nông nghiệp thu hẹp dần ông Hoàng Văn Khuy đã tự nghiên cứu, học hỏi, tham gia các lớp tập huấn trồng hoa chất lượng cao... ông đã xây dựng được vườn hoa phong lan với diện tích 100m<sup>2</sup> có lưới che chắn, giá trị mỗi giò hoa phong lan bán được từ 500 - 700.000đ. Đến nay, ông đã xây dựng được mô hình phát triển kinh tế tổng hợp trên 8.000 m<sup>2</sup> gồm hoa phong lan, ao cá, khu chăn nuôi. Ngoài ra, gia đình ông còn đầu tư một xưởng sản xuất đá cây công xuất 5,5 tấn/ngày. Hàng năm cho thu nhập từ 120-150 triệu đồng. Bên cạnh đó, ông còn cung cấp giống, hàng hóa trả chậm, trao đổi kinh nghiệm, vận dụng khoa học kỹ thuật đến bà con nông dân để cùng nhau phát triển sản xuất. Ông chia sẻ: “Để phát triển kinh tế gia đình ông đã mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, áp dụng khoa học kỹ thuật cộng với tính cần cù, chịu khó thì sẽ làm ra những sản phẩm có chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu của thị trường đạt hiệu quả kinh tế cao...”

## GIÀ LÀNG TIÊU BIỂU...

(Tiếp theo trang 9)

của già Ly. Các gia đình rất quý trọng và nghe theo già. Bản Trại Tre hiện có hơn 200 gia đình dân tộc: Tày, Nùng, Cao Lan, Dao sinh sống. Các thành viên trong bản luôn đoàn kết, gắn bó xây dựng quê hương. Nhiều năm qua, trong bản không có tệ nạn xã hội, trẻ em đều được đến lớp; an ninh trật tự giữ vững; đời sống của người dân từng bước cải thiện. Già Ly cho biết, so với mấy năm trước, cuộc sống của đồng bào giờ đây khá hơn nhiều, nhưng so với yêu cầu, chúng tôi còn phải cố gắng nhiều hơn nữa. Ví như việc phát triển kinh tế, nếu các hộ đều biết ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, hiệu quả kinh tế sẽ cao hơn, đời sống của người dân sẽ khá hơn. Già sẽ tiếp tục vận động, tuyên truyền để mọi người trong bản thực hiện tốt, xây dựng cuộc sống no ấm, văn minh.

Luôn nỗ lực phấn đấu, ở bất kỳ cương vị nào, già làng Hứa Văn Ly cũng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Già được nhiều cấp, ngành biểu dương, khen thưởng./.



# GIÀ LÀNG TIÊU BIỂU TRÊN VÙNG CAO

Xuân Tú

*Cần mẫn, luôn hết mình với công việc, già làng Hứa Văn Ly, dân tộc Nùng ở bản Trại Tre, Đồng Vương (Yên Thế) là một tấm gương tiêu biểu được đồng bào tin nhiệm.*

Ông sinh ra trong gia đình có truyền thống cách mạng. Năm 1966, theo tiếng gọi của Tổ quốc, chàng trai Hứa Văn Ly tình nguyện tham gia thanh niên xung phong rồi vào bộ đội. Cùng đoàn quân Nam tiến từ chiến trường này đến chiến trường khác. Chiến tranh kết thúc, ông trở về xây dựng quê hương và được giao nhiều việc từ thư ký, kế toán rồi Phó Chủ nhiệm HTX phụ trách trông rừng... công việc nào ông cũng hăng say nhiệt tình, hiệu quả luôn đạt cao, góp phần đưa HTX trở thành đơn vị tiên tiến của huyện. Với số phiếu tín nhiệm cao, năm 2002 ông được bầu làm già làng.

Thời kỳ đó, nhiều gia đình trong bản còn giữ các hủ tục lạc hậu trong việc cưới, việc tang vừa lãng phí về tiền của, vừa gây ô nhiễm môi trường. Quyết tâm xây dựng bản làng văn hoá, già Ly không quản khó khăn, vất vả cùng các đoàn thể đến từng hộ tuyên truyền, vận động. Nhờ sự hiểu biết và

nhiệt tình của mình, ông đã làm thay đổi nhận thức của người dân. Nhận xét về ông, Trưởng bản Trại Tre Hà Văn Thế cho biết: *Già Ly luôn là người gương mẫu trong công việc, lo việc cho dân làng nhiều hơn lo cho bản thân mình. Có ông tham gia giải quyết công việc, chúng tôi rất yên tâm.* Mấy năm trước, trong bản có hai anh em ruột là Lục Văn Phúc và Lục Văn Vàng do mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau, nhiều người sợ không dám đến can, già Ly đã xuống tận nhà phân tích về tình người, đạo lý cũng như nhân cách sống. Nghe theo lời già, hai anh em đã bỏ qua những thù oán, đoàn kết thương yêu nhau. Giờ hai anh em coi già Ly như người cha thứ hai sinh ra họ, mỗi khi có việc gì họ đều tìm đến chia sẻ và xin ý kiến già.

Không riêng gia đình anh Phúc, anh Vàng, nhiều gia đình trong bản đều nhận được sự quan tâm, giúp đỡ

**(Xem tiếp trang 8)**

# MỘT THANH NIÊN DÂN TỘC CAO LAN SÁNG CHẾ MÁY TRÓC VỎ, THÁI SẴN

Đức Thọ

*Từ trong lao động gian khó, một thanh niên dân tộc đã nghiên cứu và chế tạo thành công chiếc máy tróc vỏ và thái sắn. Máy hoạt động hiệu quả cao, một ngày có thể làm bằng cả trăm lao động thủ công.*

**T**hoạt đầu nghe ông Chu Đức Tay, Chủ tịch Hội Nông dân xã Đèo Gia (Lục Ngạn - Bắc Giang) giới thiệu về chiếc máy tróc vỏ và thái sắn, tôi nghĩ chắc người làm ra phải có bằng kỹ sư hay ít nhất cũng phải học hết cao đẳng kỹ thuật cơ khí nhưng thật bất ngờ, đó lại là một thanh niên dân tộc Cao Lan, mới chỉ học đến lớp 10, anh là Lâm Văn Liêm, thôn Ruồng, xã vùng cao Đèo Gia.

Lâm Văn Liêm năm nay 24 tuổi, là con thứ 2 trong gia đình thuần nông có 3 anh em. Từ nhỏ, Liêm đã gắn bó với nương rẫy, đồi rừng. Gia đình Liêm năm nào cũng trồng khoảng 8 ha sắn, có năm thu hoạch cả trăm tấn sắn tươi. Vì công việc của gia đình nhiều, anh cả đã lấy vợ ở riêng, bố mẹ già yếu nên học đến lớp 10, Liêm phải nghỉ học ở nhà lao động giúp đỡ gia đình. Việc trồng, chăm sóc sắn đã rất vất vả nhưng thu hoạch về phải sơ chế (tróc vỏ, thái sắn và phơi khô) để tiêu thụ được còn nhọc nhằn hơn. Để tróc vỏ

(làm cho vỏ đen búng bên ngoài củ sắn bong ra) và thái xong cả mấy chục tấn sắn, vụ mùa nào gia đình Liêm cũng phải lao động quần quật suốt ba tháng trời. Với mong muốn làm sao giảm bớt sức lao động cho gia đình, đầu năm 2007, Liêm mày mò và chế tạo chiếc máy tróc vỏ - thái sắn. Chẳng cần bản vẽ kỹ thuật, Liêm chỉ mượn tượng trong đầu chiếc máy cần có hai phần: Phần 1 là lồng đựng tróc vỏ sắn phải làm sao cho bên trong gỗ ghè để khi quay lồng, sắn quay theo va vào thành lồng tróc vỏ ra; phần 2 là khung máy và thái sắn, phải thiết kế làm sao cho máy thái cùng lúc được nhiều củ sắn và người làm không bị đau lưng. Sự hoạt động của lồng quay tróc vỏ và máy thái sắn dựa vào lực vòng quay của mô tơ điện qua các dây tải đồng dọc.

Bắt tay vào chế tạo máy, ban đầu lồng tróc vỏ sắn được Liêm đóng bằng cây giàng. Nhưng khi hoạt động thử, thấy độ bền và hiệu quả không cao nên Liêm đổi sang đóng bằng gỗ. Các

thanh gỗ được đẽo theo hình chữ V và ghép lại với nhau thành hình tròn, mặt ngoài phẳng, mặt trong nhọn. Trên lòng để cửa đóng mở để đổ sắn vào và lấy sắn ra. Phần khung máy thái sắn, Liêm mua sắt và thuê máy hàn để tự gia công. Sau hơn 6 tháng miệt mài, nhiều đêm thức trắng, cuối cùng chiếc

### **Anh Lâm Văn Liêm bên chiếc máy tróc vỏ - thái sắn**

máy cũng được hoàn thành. Vụ sắn năm 2007, máy đã phát huy hiệu quả với công suất cao. Chỉ cần ba lao động, trung bình mỗi ngày đã tróc vỏ và thái được khoảng 14 tấn sắn tươi, tương đương với công sức của 100 lao động thủ công. Thực tế chiếc máy do Liêm chế tạo rất dễ sử dụng, chỉ cần cắm điện vào là hoạt động được. Sắn tróc vỏ và thái đến đâu được quảng lên lò sấy khô và bán hết ngay đến đó. Nếu thuê được nhiều lao động để thu hoạch sắn, nhà Liêm chỉ làm khoảng nửa tháng là xong cả 8ha. Được biết, vụ sắn năm nay, gia đình Liêm thu hoạch hơn 50 tấn.

Từ khi chế tạo thành công chiếc máy này, nhiều người dân trong vùng đã đến xem và học tập. Vì thế ở xã vùng cao Đèo Gia đã có khoảng 100

chiếc máy tróc vỏ sắn, tuy nhiên với máy đồng thời làm được hai công dụng tróc vỏ và thái sắn thì vẫn chỉ có duy nhất chiếc của Lâm Văn Liêm. Tôi hỏi Liêm đã đi đăng ký bản quyền sáng chế chiếc máy này chưa? Liêm nở nụ cười bày tỏ: Em chỉ nghĩ rằng mình làm ra chiếc máy này để đỡ công lao động cho gia đình chứ có biết đến bản quyền gì đâu...

Theo chúng tôi nhận thấy, chiếc máy tróc vỏ và thái sắn của Liêm có hiệu quả ứng dụng cao trong lao động sản xuất, nhất là đối với những địa phương sản xuất sắn nguyên liệu tập trung. Vì thế nếu được giúp đỡ và hỗ trợ thêm về kỹ thuật chắc chắn chiếc máy do Liêm sáng chế sẽ được ứng dụng rộng rãi hơn trong thực tế./.

## NHÀ “SÁNG TẠO” NÔNG DÂN

Quang Vinh

Yên Thế là một huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang, diện tích vườn đồi khá lớn, có độ dốc thấp rất thuận lợi cho phát triển chăn nuôi gia cầm, nhất là chăn nuôi gà theo phương thức thả vườn đồi. Hiện nay, chăn nuôi gà đã trở thành một nghề đối với người dân nơi đây nhưng cuối năm 2007 đầu năm 2008, trong đợt rét đậm, rét hại kéo dài đã làm chết hàng loạt đàn gia cầm, gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi. Trước tình hình đó, ông Trần Quang Đạo, sinh năm 1952 - Chủ tịch Hội Nông dân Thị trấn Cầu Gò huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang đã tìm tòi, sáng tạo ra “*Kiểu chuồng úm, nuôi gà đảm bảo chất lượng và tiết kiệm điện*”.

**T**rong đợt rét đầu năm 2008, đàn gà của gia đình ông cũng bị chết vài trăm con. Nhiều đêm ông trăn trở: Làm sao phải giữ ấm cho đàn gà không bị chết rét, giảm chi phí đầu vào và tiết kiệm điện... Lúc đầu ông đặt vài chiếc bếp than tổ ong vào trong chuồng gà nhưng vì trời rét phải che kín chuồng nên khói từ bếp than đã ảnh hưởng đến sức khỏe đàn gà. Làm thế nào để dẫn khói ra ngoài? Câu hỏi đó cứ luôn ám ảnh trong tâm trí ông. Rồi ông nghĩ đến ngày còn là bộ đội chống Mỹ mình đã sử dụng “bếp Hoàng Cầm” để che mắt quân địch, tại sao không sử dụng nguyên lý đó, nhưng lại nghĩ nhiệt của lửa tạo ra phải được phân bố đều trong chuồng nuôi. Khi ấy ông lại nhớ ra cách thức để sấy lá cây thuốc lá ngày còn “bao cấp”. Thế là ông cùng các con bắt tay vào thực hiện ý tưởng xây

một chuồng nhỏ 28-30 m<sup>2</sup> (quy mô úm từ 400-500 con). Trong quá trình nuôi thử nghiệm bằng chuồng “cải tiến” đã đem lại kết quả. Trao đổi với chúng tôi, ông cho biết kỹ thuật xây chuồng “cải tiến” không khó như:

Nên chọn hướng Đông Nam để xây chuồng nhằm đảm bảo ấm về mùa đông, mát về mùa hè. Xây tường cao 0,8m, bố cột cao từ 1,8-2m, hai đầu hồi để ô thoáng, mở một cửa ra vào về phía Đông. Dùng lưới mắt nhỏ bao quanh hai sườn từ tường đến mái, dùng bạt che bên ngoài lưới để tránh mưa hắt và gió lùa (bạt có thể cuốn lên khi thời tiết nóng bức). Mặt nền cán bằng hỗn hợp vôi, si, cát, xỉ than nhỏ (vữa ba ta), phần mái lợp bằng brôximăng hoặc lá cọ, cỏ tranh... tương tự một chuồng nuôi bình thường. Khi đã có chuồng, trước khi cán nền tiến hành đào hệ thống dẫn nhiệt, chọn phần

dùng vữa ba ta rải lên mặt ngói từ 1-2cm. Cuối cùng cán mặt nền chuồng bằng một lượt ba ta dày 2-3cm.

**Lưu ý:** Mặt phẳng của đường ống dẫn nhiệt phải có độ nghiêng khoảng 20 độ để khói được hút lên trên; điểm đầu của ống dẫn nhiệt thẳng (điểm tiếp giáp với bầu tạo nhiệt) phải

### Ông Đạo đang xây dựng hệ thống chuồng gà cải tiến

chính giữa của đầu hồi (tùy theo địa hình) đào bầu tạo nhiệt dài 1,5m, rộng 0,6m, sâu 0,5m (xây gạch cuốn bầu). Đào hai đường dẫn nhiệt xung quanh mặt bằng của nền chuồng sao khoảng cách tương đối đều nhau và thông ra cửa hút gió phía đầu hồi đối diện, xây ống khói hoặc dùng ống nhựa to (đường kính 10-20cm) để dẫn khói lên cao, ống dẫn khói phải cao hơn nóc chuồng 2-3m để khói không vào chuồng.

Ống dẫn nhiệt được đào rộng 30cm sau đó rải một lượt ba ta dày từ 3-5cm để lấy mặt phẳng, tiếp theo lấy gạch chỉ xây 2-3 hàng (như hình ảnh) tạo thành ống dẫn nhiệt rộng từ 15-18cm, đặt gạch theo chiều dọc cách nhau 1-2cm không lấp vữa (để nhiệt tỏa ra hai bên) sau đó dùng ngói móc hoặc xỉ than lát ngang ống dẫn nhiệt,

cao hơn so với hai đầu ống dẫn nhiệt cong để nhiệt được phân bố đều trong ba ống; nếu xây chuồng dài thì cứ khoảng 7m tạo một đường ống dẫn khói ngang sang hai bên sườn tường.

Chuồng úm và nuôi gà cải tiến, sử dụng mùn cưa, lá hoặc cành tăm cây vải khô tạo nhiệt thông qua hệ thống ống dẫn nhiệt thiết kế ngầm dưới nền chuồng là phương pháp hoàn toàn mới. Khi đốt bằng mùn cưa, lá vải khô ở bầu, nhiệt được dẫn theo đường dẫn nhiệt tỏa đều vào nền chuồng, làm cho nền chuồng luôn khô ráo, nhiệt độ trong chuồng không vượt quá 35°C. Khi muốn điều chỉnh giảm nhiệt độ chỉ cần dùng một tấm ván đập cửa bầu lò lại, dần dần nhiệt sẽ hạ theo yêu cầu, muốn tăng thì làm ngược lại, nếu đốt bằng các vật liệu khác như than, củ

(Xem tiếp trang 17 )



# CHUYỆN MỘT THẦY GIÁO NUÔI DẾ

Hoàng Nguyên

*Không chỉ hoàn thành tốt công tác giảng dạy, được học trò yêu mến, thầy giáo trẻ Nguyễn Văn Tuyên ở khu Tây An, xã Đông Kỳ (Tứ Kỳ - Hải Dương) còn là chủ một trại dế có quy mô và hiệu quả kinh tế lớn trong vùng...*

**C**húng tôi tìm đến trang trại khi Tuyên đang miệt mài phun nước giữ ẩm cho trại dế. “Mục sở thị” cơ ngơi của Tuyên mới thấy tin đồn của người dân không sai chút nào. Với quy mô hơn 700 chậu, thiết kế thoáng mát, hợp lý, trại dế của Tuyên xứng đáng thuộc top đầu ở miền Bắc.

Tình cờ một lần, anh được người bạn là bác sĩ thú y trong Đồng Nai mách ở miền Nam có nhiều mô hình nuôi dế cho lãi cao. Ở nước ta các loại côn trùng như cào cào, châu chấu, dế, tằm, sâu chít, nhộng tằm, rươi là những loại côn trùng được dùng làm món ăn, một số nơi được coi là món ăn quý. Nghe hấp dẫn, vợ chồng Tuyên liền vay mượn tiền rồi nhờ bạn mua 200 con dế giống về nuôi thử. Tuy nhiên, do để đàn dế bị chết rét nên anh không thu hoạch được gì. Tưởng Tuyên sẽ nản chí và từ bỏ, nhưng sau khi dành thời gian tìm hiểu kỹ thuật nuôi, đến nay, Tuyên đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm và thành công với mô hình này. Anh chia sẻ:

**Chọn giống:** Chọn dế giống bố

mẹ là tơ mới biết gáy, dế mái chưa sinh sản, to, khỏe mạnh nhất trong đàn, không dịch bệnh, dị tật (đuôi râu, chân...)

**Chuồng trại:** Cao ráo, yên tĩnh, thoáng mát có mái che mưa che nắng, xung quanh có lưới đề phòng mèo, chuột bắt dế, có rãnh nước đề phòng kiến xâm nhập gây hại cho dế...

**Chuồng nuôi:** Có thể là xô, thau, khay, chậu... có nắp đậy nhưng phải đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát. Nắp đậy, có thể là cái lồng bàn hoặc nắp xô đục nhiều lỗ tạo thông thoáng, ban ngày mở ra, chiều tối đậy lại để phòng tránh dế bay đi và mèo, chuột bắt dế... Trước khi nuôi phải rửa sạch, phơi khô chuồng nuôi và trang thiết bị phục vụ chăn nuôi dế.

**Thiết bị chăn nuôi:** Rế tre, máng đẻ, máng thức ăn, nước uống cho dế đơn giản, có thể dùng vỏ nghêu, hoặc làm bằng xi măng, đồ sành sứ kích thước không quá lớn nhằm hạn chế dế con chết.

Trong chuồng nuôi, có rế tre hay vĩ tre, rế có lỗ nhỏ (dày) nuôi dế con mới nở đến 25 ngày tuổi, loại thưa nuôi tiếp theo đến thu hoạch. Đất dùng

trong máng để là đất sạch, tơi xốp, ẩm vừa phải, có độ dày 3 - 4 cm. Không dùng đất có kiến, đất bị nhiễm hóa chất độc hại... Trên cùng phủ một lớp cỏ cho đế ăn, ở, sinh trưởng phát triển và sinh sản...

**Thức ăn:** Thức ăn chủ yếu của đế là cỏ, cám hỗn hợp (thường dùng cám gà con), nên xay cám thành bột cho đế ăn, bảo quản nơi khô ráo, không mua nhiều một lúc để bị mốc. Cho ăn thêm rau xanh, cải ngọt, cà rốt, củ sắn, cỏ tươi... Có thể cho đế ăn thêm miếng dưa hấu (cắt bỏ phần ruột đỏ), lấy phần sát vỏ, không để nhiều. Cần lưu ý thức ăn chỉ ăn trong ngày, còn dư phải bỏ, không cho đế ăn mầm đậu các loại, chúng sẽ bị rụng râu, chân mà chết.

Đế mỗi ngày một trưởng thành, nên lượng thức ăn ngày càng tăng lên tùy thuộc vào sức ăn của đế. Hàng ngày nước được phun sương để giữ ẩm và cho đế uống.

**Chăm sóc nuôi dưỡng:** Khi đế có dấu hiệu sắp đẻ ta đặt máng đẻ vào xô nuôi đế bố mẹ hàng đêm cho đế đẻ. Cứ sau mỗi đêm máng đẻ được lấy ra đưa đi ấp, tối đến đưa máng mới vào xô nuôi đế đẻ tiếp.

Để đẻ đẻ nhiều và đế con khỏe mạnh, cần lưu ý: Vệ sinh chuồng nuôi và thiết bị chăn nuôi sạch sẽ, khô ráo, máng thức ăn phải được che đậy, tránh nước gây nấm mốc...

**Ương nuôi đế con:** Đế con mới nở, chuyển sang ương nuôi riêng trong xô nhựa, dùng thức ăn của gà con xay

nhuyễn cho đế mới nở ra ăn. Ương nuôi đế con đến 20 ngày ta chuyển sang nuôi đế thịt thương phẩm.

**Nuôi đế thịt thương phẩm:** Đặt rế, máng thức ăn, nước uống, phủ cỏ tươi như nuôi đế đẻ nhưng số lượng nhiều hơn, tránh nước đọng, ẩm mốc trong xô, tránh để thức ăn tồn dư, ẩm ướt, hôi mốc và không để máng đẻ trong xô nuôi như nuôi đế đẻ.

Ngoài mở rộng trại đế, Tuyên còn đưa ra thị trường 2 sản phẩm mới là tôm đất trứng và tôm đất lột. Anh bật mí: “Vừa giảng dạy, vừa phát triển kinh tế trang trại nên cũng gặp nhiều khó khăn, nhưng với quyết tâm, nỗ lực và lòng say mê, tôi đang cố gắng vươn lên để khẳng định mình và từng bước xây dựng thương hiệu đế Phú Khang”.

Hiện, mỗi tháng anh xuất bán khoảng 80kg đế thịt, trừ chi phí, lãi khoảng 10 triệu đồng/tháng. Ngoài ra, Tuyên còn phát hiện ra phân đế dùng để bón cho cây cảnh rất tốt, do vậy, anh dự định sẽ cung cấp cho thị trường cây cảnh loại phân bón mới. Với nhiều ý tưởng, sáng kiến, thầy giáo trẻ Nguyễn Văn Tuyên đang rất thành công với mô hình nuôi đế của mình...

Anh sẵn sàng giúp đỡ cho những ai có nhu cầu về giống và kỹ thuật nuôi đế.

**Mọi chi tiết xin liên hệ: Nguyễn Văn Tuyên, khu Tây An, xã Đông Kỳ (Tứ Kỳ - Hải Dương), điện thoại: 03203.605.039**

# KỸ THUẬT MỚI TRỒNG CÂY NA DAI

Nguyễn Hà

**G**ải pháp: “*Hoàn thiện kỹ thuật thâm canh và thu phần nhân tạo cây na dai*” của ông Nguyễn Xuân Thủy, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam (Bắc Giang) đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần làm tăng thêm thu nhập hàng trăm triệu đồng/ha/năm đối với các hộ gia đình trồng cây na dai, một loại cây ăn quả đặc sản của địa phương từ nhiều năm nay. Giải pháp này đã đạt giải nhất cuộc thi Sáng tạo kỹ thuật nhà nông tỉnh Bắc Giang năm 2009.

Ông Thủy cho biết, sau khi đi tham quan, học tập kinh nghiệm ở một số tỉnh trồng nhiều na trong nước như Lạng Sơn, Quảng Ninh ông đã nghiên cứu, tìm tòi và xây dựng thành công giải pháp trên đối với vùng trồng na dai Huyền Sơn. Theo kỹ thuật mới này, vào khoảng thời gian trung tuần tháng 11 sẽ đốn toàn bộ cành cao của cây na, chỉ để cây na cao khoảng 1,5 - 1,8 m và cắt bớt cành cho thoáng. Nhờ đó, cây na sẽ chống chịu được mưa gió, quả không bị dập nát do va chạm trên cao; không tốn thức ăn để nuôi cành vô hiệu; quả ra tập trung trên thân và cành cấp một (những quả na gần thân thường là những quả to và đẹp); cây na cũng dễ thụ phấn và dễ thu hoạch hơn. Ngoài ra, để cây na có lực ra mầm, ra

hoa sớm và quả đẹp nên chăm bón, phục hồi cây sau thu hoạch với lượng phân bón thích hợp, bón khoảng 50% lượng phân chuồng và 20% NPK của cả năm, tưới 1 - 2 lần thuốc kích rễ, phun 1 - 2 lần siêu lân giữ độ ẩm đến hết tháng 12 để cây nghỉ qua vụ đông. Sau khi lập xuân khoảng 15 - 20 ngày, dùng kéo cắt sạch đầu cành từ 15 - 20 cm (cắt hết lá đầu cành và đốt để diệt sâu bệnh), đồng thời bón 20% lượng phân chuồng và 20% NPK của năm; tiếp đó phun kích phát tố để làm bật mầm hoa; khi hoa hé nở có màu trắng xanh thì tiến hành thụ phấn. Người trồng na cũng phải áp dụng đúng một số kỹ thuật khác để tăng tỷ lệ đậu quả, chăm bón nuôi quả và phòng chống các loại sâu bệnh thường gặp trên cây na như bệnh sập sên, bọ nhậy, muội đen, sâu đục quả, ròi quả, bệnh vàng lá...

Ông Thủy cho biết thêm, khi chăm bón các mầm cây na nên xử lý tía thừa mầm và những mầm để lại cắt sâu khoảng 10 - 15 cm và vặt sạch lá. Những mầm này sau khoảng 10 - 15 ngày sẽ nhú hoa và sẽ cho những quả nhanh to và nhanh thu hoạch (bình thường những quả đầu cành khoảng 125 - 130 ngày cho thu hoạch thì những quả xử lý mầm thân chỉ khoảng 90 - 95

ngày đã cho thu hoạch). Áp dụng kỹ thuật này cũng đã tăng tỷ lệ đậu quả, tăng trọng lượng mỗi quả na lên 300 - 400 gram (so trước đây chỉ khoảng 200 gram). Quả na dai to, đẹp hơn, khi bóc vỏ ruột không bị vỡ và chảy nước, dóc hạt, để được lâu hơn khi quả đã chín (khoảng từ 5 - 7 ngày), chất lượng thơm, ngon, nên bán rất được giá, có thời điểm cao nhất na dai Lục Nam giá 42.000 đồng /kg. Riêng vụ thu hoạch 2009 vừa rồi, na dai huyện Lục Nam được tiêu thụ chủ yếu ở thị trường Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh phía Bắc khác đã mang lại nguồn thu hàng chục tỷ đồng cho địa phương.

Kỹ thuật mới này đã được ông Thuỷ và 30 hội viên nông dân khác ở xã Huyền Sơn áp dụng trong mô hình trồng cây na dai từ năm 2007, nhờ đó còn góp phần khôi phục lại diện tích trồng cây na dai đặc sản của huyện sau đợt bị chết hàng loạt vào năm 2001. Đến nay, vùng trồng cây na dai theo kỹ thuật mới ở Lục Nam đã đạt tổng diện tích 470 ha (dự kiến vụ tới tăng lên 600 ha) và có trên 2.100 hộ dân ở Huyền Sơn và các xã Nghĩa Phương, Đông Phú, Lan Mẫu, Cẩm Lý... tham gia, mỗi năm giải quyết việc làm với thu nhập ổn định từ 1,5 - 2,5 triệu đồng/người/tháng cho khoảng 2.000 lao động địa phương. Đánh giá về mặt hiệu quả kinh tế, áp dụng kỹ thuật mới này đã giúp bà con nông dân tăng thêm thu nhập từ 100 - 230 triệu đồng /ha/năm so với trước đây./.

điều chỉnh được nhiệt, chi phí cao lại

### NHÀ “SÁNG TẠO”...

(Tiếp trang 13)

phải thường xuyên phải tiếp nhiên liệu còn với mùn cưa chỉ cháy âm ỉ, thời gian dài và nhiệt sinh ra không cao, tận dụng vật liệu sẵn có tại địa phương.

Qua quá trình chăn nuôi thực tế có sự so sánh đối chứng cho thấy, chuồng gà cải tiến do ông Đạo sáng chế có những ưu điểm như đảm bảo về thời gian, kỹ thuật trong việc úm gà con cũng như trong suốt quá trình nuôi thương phẩm, giảm được 550.000đ/1.000 gà so với phương pháp dùng điện hoàn toàn để sưởi ấm, chiếu sáng. Đặc biệt từ khi sử dụng kiểu chuồng này đàn gà của ông không mắc các bệnh về đường hô hấp, tiêu hoá như CRD, Ecoli... giảm chi phí thuốc thú y...

Với giải pháp “*Cải tiến chuồng úm, nuôi gà chống rét*”, tháng 10/2009 vừa qua ông nhận được giải ba trong hội thi “Sáng tạo kỹ thuật” tỉnh Bắc Giang lần thứ III. Đến nay, ông đã chuyển giao kỹ thuật xây dựng chuồng cải tiến đến cán bộ khuyến nông, hội nông dân của tất cả các xã và xây mới hoặc sửa chữa trên 500 chuồng trong huyện Yên Thế. Sáng tạo của ông rất phù hợp với các hộ chăn nuôi ở các

## MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP CHẾ BIẾN RƠM LÀM THỨC ĂN CHO TRÂU BÒ

**T**hức ăn thô luôn có tầm quan trọng đặc biệt và không thể thay thế đối với gia súc ăn cỏ như trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai ... Với nhu cầu trung bình 30 kg thức ăn thô xanh mỗi ngày của trâu, bò là bài toán khá phức tạp đối với chăn nuôi nông hộ khi việc chăn thả tự nhiên ngày càng khó khăn do đất bị thu hẹp và kém hiệu quả bởi chất lượng cỏ tự nhiên vừa thiếu vừa nghèo dinh dưỡng. Khả năng trồng cỏ còn nhiều hạn chế và cỏ vẫn có tính thời vụ nên vào mùa đông, khô hanh cỏ không mọc được thì trâu, bò lại thiếu thức ăn. Với thực trạng này, phương pháp chế biến rơm vừa đơn giản lại bảo được lâu dài, người chăn nuôi sẽ chủ động được nguồn thức ăn rẻ tiền, nâng cao dinh dưỡng, đảm bảo hiệu quả chăn nuôi. Xin giới thiệu những phương pháp đơn giản, hiệu quả hiện này để bà con nông dân có thể áp dụng được ngay tại nông hộ của mình, tăng tính chủ động nguồn thức ăn cho đàn gia súc, giảm giá thành chăn nuôi.

### **Một số phương pháp chế biến rơm**

Đối với phương pháp ủ rơm thì túi ủ có vai trò rất quan trọng vì túi ủ có chắc chắn thì mới có điều kiện nén chặt đạt để loại hết không khí tồn tại trong các khe giữa của rơm, từ đó đảm

bảo môi trường yếm khí hoàn toàn, thúc đẩy thuận lợi quá trình lên men yếm khí của thức ăn. Túi ủ có thể tận dụng bằng thùng phi, bao nylon to, nếu có điều kiện nên xây bể ...

**Ủ rơm tươi với urê:** Cứ 100 kg rơm tươi vừa thu hoạch trộn với 3 - 4 kg urê.

Tùy vào điều kiện, người chăn nuôi dự tính chế biến với khối lượng bao nhiêu cho hợp lý, cần chuẩn bị trước túi ủ, urê (phân đạm). Những địa phương sử dụng máy gặt liên hoàn để thu hoạch lúa thì sau khi thu hoạch cần chở rơm về để ủ ngay, với các hộ sử dụng máy tuốt lúa tại nhà thì cần rũ rơm (nếu có điều kiện thì cắt ngắn). Sau khi đã chuẩn bị xong, tiến hàng cân ước lượng rơm bằng cách một người ôm rơm rồi cân cả người và rơm, sau đó cân lại người sẽ biết cần ôm bao nhiêu lần như vậy thì được 100 kg. Khi đã cân được rơm, bắt đầu cho rơm vào túi: Dồn chặt cao khoảng 20cm rắc một lượt urê, cứ như vậy đến khi đầy túi ủ, ép hết không khí ra ngoài, buộc chặt miệng túi tạo môi trường yếm khí hoàn toàn.

Không cần hòa urê với nước vì rơm tươi đã có lượng nước tương đối cao, nếu ủ bằng hố ủ thì cũng lần lượt như vậy cho đến khi đầy hố. Cuối



cùng, phủ hồ ủ bằng bao nilon cho kín.

*Chú ý:* Không tiến hành ủ rơm vào lúc trưa nắng, nhiệt độ cao vì độc tố 4-methyl-imidazol sẽ hình thành giữa đường glucose có trong rơm tươi với  $\text{NH}_3$  phân giải từ urê, độc tố này có thể gây ngộ độc cho trâu bò.

Thường là sau 3 tuần ủ thì sử dụng cho gia súc ăn. Khi mở và đóng hố ủ cần nhanh tay, lấy ra ngoài khoảng 20 phút để cho rơm đã ủ bay bớt mùi urê. Ngày đầu tiên nên cho ăn một lượng nhỏ chộn lẫn với cỏ để trâu bò tập ăn, sau đó tăng dần. Sau mỗi lần lấy thức ăn ra cần buộc chặt lại miệng túi hoặc đập ngay hố lại một cách cẩn thận, tránh mưa nắng. Khi đã mở túi ủ thì nên sử dụng liên tục thức ăn cho đến hết.

### *Ủ rơm khô với urê*

Tỷ lệ nguyên liệu chế biến rơm khô ủ urê như sau: Rơm khô: 100kg, Urê: 4kg, Muối ăn: 0,5kg, Nước lã sạch: 90-100 lít

Tương tự như ủ rơm tươi có thể tận dụng các điều kiện có sẵn của gia đình như vỏ bao phân đạm, bao tải xác rấn có lõi bằng nilon, túi nilon loại lớn, ... Song mọi loại hố ủ cần đảm bảo tính chắc chắn, sạch sẽ và không gồ ghề để nén thức ăn được chặt chẽ và dễ dàng.

Thái rơm thành từng khúc 20-30 cm nếu có điều kiện. Hòa tan urê, muối vào nước theo tỷ lệ trên. Nếu ủ

### **Ủ rơm bằng túi nilon**

bằng hố, lần lượt rải rơm vào hố ủ theo từng lớp 20 cm, trên mỗi lớp, tưới đều bằng odoa dung dịch urê - muối - nước đã khuấy hòa tan., lấy cào đảo qua đảo lại và dùng chân (có đeo ủng) dậm nén cho chặt. Cứ làm lần lượt như vậy cho tới khi hết lượng rơm cần ủ. Dùng nilon phủ kín lại, chèn cho chặt và kín hố ủ bằng gạch, ngói, củi khô, ... để không khí, nước mưa, vi sinh vật, ... ở ngoài không lọt vào và khí amoniắc ở trong không bay ra được.

*Chú ý:* Chọn rơm để ủ phải là rơm tốt, không thối, mốc. Nơi ủ phải chọn nơi khô ráo, tránh nước mưa và nước từ nơi khác thấm vào. Chất rơm đến đâu, trộn nguyên liệu xong phải nén chặt đến đó. Nén toàn bộ bề mặt hố,

nén xung quanh và các góc hố. Các lớp bên dưới nên tưới dung dịch urê ít hơn các lớp bên trên vì nước dư thừa sẽ thấm xuống các lớp dưới. Rơm ủ đạt chất lượng chế biến tốt có màu vàng đậm, mùi urê, không có mùi nấm mốc, rơm ẩm và mềm đều. Phải cho trâu, bò uống đủ nước (20 lít/con/ngày) khi sử dụng thức ăn rơm ủ urê. Nếu ủ vào các bao nhỏ thì sau khi trộn đều rơm với dung dịch urê thì nén thật chặt, buộc kín lại. Đặt các bao vào nơi sạch sẽ, tránh đặt trên nền đất, che chắn cẩn thận để tránh nắng mưa và ẩm ướt.

Rơm sau khi ủ được 14 ngày (mùa Hè), 21 ngày (mùa Đông) bắt đầu lấy ra cho gia súc ăn. Khi lấy rơm ủ cho gia súc ăn chỉ nên lấy ra ở một góc (không lật toàn bộ lớp đệm lót che phủ) lấy rơm xong lại lấp lớp đệm lót che phủ lên cho kín. Rơm ủ urê được trâu, bò ăn nhiều hơn 50 - 60% so với rơm không chế biến, mặt khác hàm lượng đạm trong rơm tăng lên gấp 2 lần vì vậy, có thể cho gia súc ăn tự do tùy khả năng của chúng. Tuy nhiên, cũng chỉ nên lấy lượng vừa ăn theo nhu cầu từng bữa để tránh lãng phí. Mỗi con trâu, bò có thể ăn khoảng 7 - 10 kg rơm ủ urê mỗi ngày.

### ***Ủ rơm khô với urê và vôi***

Chuẩn bị vật liệu, các bước tiến hành và cách sử dụng tương tự như phương pháp ủ urê chỉ khác tỷ lệ phối trộn các nguyên liệu như sau: Rơm khô: 100kg, Urê: 2 - 3kg, Muối ăn: 0,5kg, Nước lã sạch: 80-90 lít, Vôi tôi: 2-3kg

### ***Ủ rơm khô với vôi***

Trộn nguyên liệu trong bể chứa có nắp đậy kín theo tỷ lệ sau trong 3 ngày liên tục, mỗi ngày trộn 2 - 3 lần: Rơm khô (ẩm độ 12-14%), đã băm nhỏ thành từng đoạn ngắn 6 - 10 cm: 100kg; Nước vôi 1% (1kg vôi sống hoặc 3 kg vôi tôi hòa với 100 lít nước): 600 lít

Ngày thứ 4, vớt rơm lên giá phơi (Giá phơi kề cạnh bể chứa có thể bằng tre, thép đan xây cao hơn mặt đất 1m) và dội nước rửa sạch nước vôi. Có thể cho gia súc ăn ngay, còn thừa thì rửa sạch vôi, phơi khô cất dự trữ. Kiểm tra rơm bằng nước vôi làm tăng tỷ lệ tiêu hóa của rơm lên 7-8%. Lúc đầu mùi hơi nồng nên trâu, bò chưa thích ăn thì nên cho ăn lẫn với rơm khô vẩy nước. Sau đó tăng dần lượng rơm tươi nước vôi.

### ***Ủ rơm khô với vỏ dừa***

Rơm khô sẽ hút các chất dinh dưỡng từ quá trình phân hủy của vỏ dừa làm tăng giá trị dinh dưỡng cho rơm, làm mềm rơm, gia súc dễ ăn và ngon miệng. Phương pháp này sử dụng hố ủ và các vật liệu đệm, lót như các phương pháp ủ rơm khô khác. Mỗi lớp rơm rải một lớp vỏ dừa rồi nén chặt (mỗi lớp rơm hoặc vỏ dừa thường dày 10-20 cm). Cứ như vậy cho đến khi hết lượng rơm cần ủ hoặc đầy hố ủ. Sau 10 ngày cho gia súc ăn được. Cho ăn lần lượt từng lớp từ trên xuống dưới cho đến khi hết rơm trong hố ủ. Khi mở ra và đập hố ủ cần phải nhanh tay để tránh vi khuẩn và không khí xâm nhập làm thối rơm ủ./.

## CHĂM SÓC CAM, QUÝT, BƯỞI SAU THU HOẠCH

**C**am, quýt sau thu hoạch cần được chăm sóc, vệ sinh, cắt tỉa, phòng trừ sâu bệnh để cây tiếp tục phát triển và cho mùa bội thu sau. Nếu việc chăm sóc không đúng quy trình kỹ thuật thì năng suất của cây sẽ giảm đáng kể so với năng suất trung bình của giống.

- Tiến hành làm sạch cỏ dại, sau 25 - 30 ngày thu hoạch cắt tỉa các cành sâu bệnh, cành tược, khô héo, cành tăm hương, mọc không đúng hướng...

- Quét vôi vào gốc cây ngăn sự cư trú của sâu bệnh.

- Phòng trừ sâu bệnh bằng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp: Bón phân đầy đủ, cân đối, kịp thời, bón đúng kỹ thuật, phun thuốc đúng lúc, đúng cách.

Với một số sâu bệnh hại như: Sâu vẽ bùa, đục thân, sâu bướm, sâu nhớt, nhện đỏ, nhện vàng, nhất là bệnh vàng lá greening... phải thường xuyên theo dõi, quan sát phát hiện sớm để kịp thời ngăn chặn. Khi cây đã bị bệnh cần phải đào, đốt hủy, rắc vôi bột vào gốc cây bị hại.

### Bón phân

- Thời kỳ kiến thiết (1-4 năm): Bón tập trung 1 đợt vào tháng 12 hoặc tháng 1 với lượng phân 20 - 25kg phân hữu cơ + 0,2kg sun phat đạm + 0,5kg super lân + 0,2kg kali sun phat.

- Vào thời kỳ thu quả: Bón 50kg phân chuồng + 1kg đạm + 1,2kg super lân + 0,5kg kali, chia ba lần bón:

+ Sau thu hoạch quả tháng 12 sang tháng 1: 50kg phân hữu cơ + 0,25kg super lân + 0,1kg kali.

+ Bón đón lộc xuân tháng 2 - 3: 0,6kg đạm + 0,6kg super lân + 0,25kg kali.

+ Bón thúc cành thu và nuôi quả tháng 6-7: 0,4kg đạm + 0,35kg super lân + 0,15kg kali.

### - Cách bón:

+ Lần 1 (sau khi thu hoạch): Bón theo vành mép tán, đào rãnh sâu 20cm, rộng 30cm. Các loại phân trộn đều cho vào rãnh lấp kín đất, phủ rơm giữ ẩm.

+ Bón thúc vào lần 2 và 3: Trộn đều các loại phân hóa học rải đều trong vòng tán cây, xới đảo sâu 4-5cm vùi đất lấp kín, phủ rơm rác giữ ẩm.

Bón phân phục hồi và tưới nước:

Đối với cây từ 3- 4 năm tuổi, bón 1 - 2kg AT1/gốc, cây 5- 6 năm tuổi bón 2- 3kg AT1/gốc, phân hữu cơ bón 20- 50kg. Bón ngay sau khi thu hoạch, càng sớm càng tốt. Trước khi bón, đào đất chung quanh gốc tạo thành đường vành khuyên rộng 20-30cm, sâu 30- 40cm theo đường chiều vành tán cây, rải đều phân xuống và lấp đất lại.

Bón phân xong tưới nước đều đặn,

vừa phải cho phân tan để cây hấp thụ từ từ. Chú ý không nên tưới quá nhiều nước cho cây vì nếu thừa nước cây sẽ ra chồi non ảnh hưởng đến việc xử lý ra hoa.

### **- Cách tỉa cành và vệ sinh vườn :**

Cắt bỏ những cành già, cành sâu bệnh, cành vượt nằm bên trong tán, cành mọc sà dưới đất và cả những đoạn cành đã mang trái (dài 10-15cm). Cắt ngắn cỏ, chừa cỏ lại che phủ đất (hoặc che phủ bằng rơm rạ). Nếu trồng sát gốc cây thì dọn sạch cỏ, lá cây để mô được khô ráo. Các cành lá tỉa bỏ, quả hỏng, cỏ dại phải thu gom lại chôn lấp hoặc đốt bỏ.

### **- Nuôi dưỡng và bảo vệ :**

Định kỳ khoảng 10-15 ngày/lần, phun các chế phẩm HVP theo tỷ lệ: 30-10-10 (15g/8 lít nước) hoặc chế phẩm dưỡng lá (35ml/8 lít nước). Có thể pha chung với thuốc trừ sâu bệnh để phun xịt. Dưới gốc dùng vôi quét gốc, quét cao khoảng 1-1,5 m và rải vôi chung quanh các gốc cây, nhất là những cây bị bệnh. Nếu rễ cây bị tuyến trùng, rệp sáp tấn công có thể dùng Nokapd, Vimoca tưới vào gốc diệt, đồng thời pha thêm bột tốt rễ F.Bo để phục hồi bộ rễ nhanh, giúp cây sinh trưởng sung tốt

### **Vườn cam đường canh**

trở lại.

#### **Xử lý ra hoa**

- Bón phân đón ra hoa, tạo mầm hoa: Trước thời điểm cho cây ra hoa 5-6 tuần, bón phân đón ra hoa (khoảng 200g DAP + 50KCL hoặc 400g AT 2/gốc 4-5 tuổi) và phun chế phẩm giúp cây tạo mầm hoa (phun F.Bo: 15g/8 lít, phun hai lần, cách nhau 4-5 ngày) trước khi ngưng tưới một tuần.

#### **- Bắt cây cảm ứng ra hoa:**

Phun thuốc thúc ra hoa đồng loạt: Sau khi tưới nước lại 2-3 ngày, bộ lá tưới lại, pha 35ml RA HOA C.A.T + 15g F.Bo/8 lít phun sương đều tán cây và trong thân cây hai lần (5 ngày/lần) thúc ra hoa đồng loạt, sau khi cây ra chồi non tưới hai ngày/lần./.

**KS. MAI XUÂN TRÚC**

## TRỪ MẦM BỆNH CHO THÓC GIỐNG

Nhiều loại nấm và vi khuẩn gây bệnh như nấm bệnh von mạ, bệnh khô vằn, đạo ôn, tiêm hạch; vi khuẩn gây bệnh đốm sọc vi khuẩn, bệnh bạc lá lúa... tồn tại trên vỏ trấu hạt giống biểu hiện bằng các đốm, vết màu nâu, đen nhỏ trên hạt thóc.

**K**hử trùng hạt giống trước khi ngâm ủ có tác dụng tiêu diệt hầu hết các mầm bệnh trên hạt giống, hạn chế nguồn bệnh lây từ hạt giống vụ trước sang cây mạ vụ sau. Có nhiều phương pháp để khử trùng hạt giống, sau đây là một số biện pháp chính:

**Biện pháp 1:** Dùng nước vôi trong 2-3% ngâm thóc trong 10-12 giờ để diệt mầm bệnh hại. Cách làm như sau: lấy 0,2-0,3 kg vôi cục hoặc 0,3-0,5 kg vôi tôi (chú ý là vôi mới tôi khoảng 30-40 ngày trở lại mới có giá trị diệt mầm bệnh), hoà trong 10 lít nước, để lắng trong 3-5 phút, lọc lấy 6-7 kg nước vôi trong, ngâm được 6-7 kg thóc giống trong 10-12 giờ.

**Biện pháp 2:** Dùng nước nóng 54°C (3 sôi + 2 lạnh) lượng nước nóng cần gấp 3 lần lượng thóc xử lý, thời gian xử lý 4-5 phút. Hòa đủ lượng nước nóng cho vào dụng cụ có nắp (vung) đậy, cho thóc giống vào đậy nắp lại trong 4-5 phút, sau mở nắp ra cho nước tự nguội dần.

**Biện pháp 3:** Dùng hoá chất như:  $\text{CuSO}_4$  1-4%; Daconil 30% nồng độ

0,3%; Carbenzim 50% nồng độ 0,3%... ngâm trong 24 giờ.

Thời gian ngâm thóc giống tính cả thời gian xử lý mầm bệnh: Theo phương pháp mới, giống lúa thuần trong vụ xuân nhiệt độ thấp ở các tỉnh phía Bắc ngâm 72 giờ, giống lúa lai vỏ hạt mỏng, hạt trấu hở ngâm nước nhanh ngâm 35-40 giờ là hạt đã hút đủ nước, ngày thay nước hai lần. Ủ ấm trong đống rơm, rạ 25-32°C trong 30-40 giờ, trong quá trình ủ không cần mở ra để dập nước làm mất nhiệt như cách cũ ngâm nước 36-48 giờ để hạt nảy mầm nhanh hơn./.



## BỆNH TAI XANH - BỆNH BÍ HIỂM Ở LỢN

**T**rong những tháng đầu năm 2007, bệnh tai xanh đã xảy ra tại nhiều tỉnh phía Bắc trong đó có Bắc Giang. Một số thông tin về bệnh tai xanh ở lợn và các biện pháp phòng chống sau đây được chia sẻ đến bà con chăn nuôi nhằm góp phần ngăn chặn dịch bệnh phát sinh và lây lan.

Bệnh được ghi nhận lần đầu tiên ở Mỹ vào khoảng năm 1987, vào thời điểm đó, do chưa xác định được căn nguyên bệnh nên được gọi là “*bệnh bí hiểm ở lợn*” (một số người căn cứ theo triệu chứng gọi là “*bệnh tai xanh ở lợn*”). Ở Việt Nam, bệnh được phát hiện vào năm 1997 trên đàn lợn nhập từ Mỹ.

Hiện nay, các nhà khoa học chính thức gọi bệnh tai xanh là “*hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn*” (PRRS). Đây là một bệnh truyền nhiễm, lây lan rất nhanh ở lợn. Đặc trưng của bệnh là hiện tượng sẩy thai ở lợn nái chửa hoặc triệu chứng bệnh đường hô hấp, đặc biệt là ở lợn con cai sữa. Bệnh do một loại vi rút gây ra, lợn chết thường là do nhiễm trùng kế phát các tác nhân bệnh khác như dịch tả, tụ huyết trùng, phó thương hàn, liên cầu khuẩn, suyễn, v.v...

Vi rút có trong dịch mũi, nước bọt, tinh dịch, phân, nước tiểu và phát tán ra môi trường. Ở lợn mẹ mang mầm

bệnh vi rút có thể lây nhiễm cho bào thai, lợn con nhiễm bệnh có thể bài thải vi rút trong vòng từ 1-6 tháng. Bệnh có thể lây lan thông qua tiếp xúc giữa lợn ốm, lợn mang trùng với lợn khỏe, vận chuyển lợn mang trùng từ vùng này sang vùng khác, theo gió bụi, bọt nước, dụng cụ chăn nuôi và dụng cụ bảo hộ lao động nhiễm trùng, thụ tinh nhân tạo ... Vi rút có thể sống 1 tháng ở nhiệt độ 4°C, với nhiệt độ 37°C chịu được 48 giờ và 56°C sau 1 giờ. Với các chất sát trùng thông thường vi rút dễ dàng bị tiêu diệt.

Vi rút gây ra biểu hiện lâm sàng ở hai trạng thái sinh sản và hô hấp. Các biểu hiện lâm sàng có thể khác nhau tùy từng loại lợn. Ở lợn nái có biểu hiện lười ăn, uống, mất sữa và viêm vú, đẻ sớm, da biến màu (màu hồng), lơ lơ hoặc hôn mê, thai gổ hoặc lợn con chết ngay sau khi sinh (khoảng 30%). Lợn con yếu, tai chuyển màu xanh. Tỷ lệ chết ở đàn con có thể tới 70% ở tuần thứ 3 - 4 sau khi xuất hiện triệu chứng. Ở lợn con theo mẹ, thể trạng gầy yếu, mắt có đờ màu nâu, da có vết phỏng rộp, tiêu chảy nhiều, ủ rũ, run rẩy. ở lợn cai sữa và lợn vỗ béo: những biểu hiện ban đầu thường là da đỏ ửng hoặc mắt sưng đỏ. Khi bệnh tiến triển, có thêm những bệnh tích đặc biệt trên da hoặc trên tai.

Các biểu hiện của bệnh thường không

đặc trưng và dễ nhầm lẫn khi kể phát với các bệnh khác, lợn bệnh tai xanh, thường xuyên có các biểu hiện như: Sốt cao trên 40°C, khó thở, có những vết bầm, thâm tím trên da, một số trường hợp tai tím xanh, chân choãi ra, đi lại run rẩy ...

Cần chủ động phòng bệnh bằng cách

### **Cán bộ thú y mang lợn tai xanh đi tiêu hủy**

áp dụng các biện pháp an toàn sinh học như: Chuồng trại phải sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát; tăng cường chế độ dinh dưỡng cho lợn; mua lợn giống từ những cơ sở đảm bảo; hạn chế người tham quan (với các trang trại); không mượn dụng cụ chăn nuôi của các trại khác; Thường xuyên tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi; định kỳ sát trùng chuồng 2 tuần một lần bằng các loại thuốc sát trùng thích hợp.

Có thể sử dụng vắc xin để phòng bệnh cho lợn. Hiện đã có ba loại vắc xin phòng bệnh là: Porcilis PRRS của Intervet - Hà Lan; BSL-PS 100 của Besta - Singapore; Amervac PRRS của Hipra - Tây Ban Nha.

Để chủ động ngăn ngừa dịch, người chăn nuôi cần lưu ý: Không cho nhập lợn và sản phẩm từ lợn không rõ nguồn gốc vào trại; tiêm phòng đầy đủ các bệnh nguy hiểm có thể kể phát sau bệnh tai xanh như: Dịch tả, Tụ huyết

trùng, Phó thương hàn, Suyễn lợn; cần phát hiện bệnh sớm và khai báo với chính quyền địa phương hoặc cơ quan thú y; không bán chạy lợn bệnh vì bệnh tai xanh không lây sang người, không gây bệnh cho người.

Vì là bệnh do vi rút gây ra nên hiện chưa có thuốc điều trị đặc hiệu. Tuy nhiên, có thể áp dụng một số biện pháp để ngăn ngừa bệnh kể phát, thường là bệnh hô hấp và nhiễm trùng huyết. Có thể tiêm kháng sinh phổ rộng loại có tác dụng kéo dài và cung cấp vitamin và chất điện giải cần thiết để bù nước. Đối với lợn nái, sử dụng kháng sinh liên tục ngay khi phát hiện có bệnh hoặc nghi ngờ bệnh xảy ra trong đàn bằng cách pha vào nước uống hay trộn vào thức ăn. Việc điều trị bằng kháng sinh kịp thời sẽ làm giảm sẩy thai, đẻ non, lợn con chết ngay khi sinh do nhiễm khuẩn kể phát.

**ĐÌNH HOÀN**

# CHỐNG RÉT CHO CÁ TRONG MÙA LẠNH

**R**ét đậm, rét hại dài ngày làm cho nhiều loài cá, tôm bị chết, ảnh hưởng không nhỏ đến năng suất, sản lượng đặt ra cho cả người nuôi lẫn chỉ tiêu của ngành thủy sản.

Các loài cá mè, trôi, trắm, chép, ếch đồng, ba ba trơn chỉ thích ứng tốt với điều kiện nhiệt đới, thường từ 25 - 30 độ C. Ở nhiệt độ 10 - 20 độ C, cá chỉ tồn tại được trong thời gian ngắn, nếu kéo dài trong ao nước nông, không kín gió, cá sẽ bị chết do rét.

Cá chim trắng, rô phi, ếch Thái Lan là những giống ngoại nhập, chịu được nhiệt độ thấp. Nhưng nếu trời rét kéo dài 6 - 7 ngày ở nhiệt độ 8 - 10 độ C, cá sẽ chết nhanh hơn các loài thủy sản khác. Để chống rét, cá rúc đầu xuống bùn, nấm thủy my phát triển ăn kín vào mang làm cá bị ngạt thở chết và rất nhiều chứng bệnh khác phát sinh... Để hạn chế thiệt hại do thời tiết lạnh giá gây ra, xin giới thiệu với bà con một số biện pháp phòng chống rét cho các loài thủy sản.

Với đàn cá giống đang lưu giữ:

Thả bè 2/3 ao về phía Bắc để chắn gió, góc ao để những sọt rơm, rạ cho cá trú đông. Riêng với cá chim trắng, cá rô phi, ếch Thái Lan, do chịu rét kém nên bà con cần quan tâm nhiều hơn. Độ sâu nước ao 1,4 - 1,5m, kín gió, ở các góc ao làm những bó rơm rạ hoặc các túm bao tải dứa để cá trú

đông. Trên mặt ao thả 2/3 bè tây để chắn gió hoặc xếp gạch xung quanh bằng mặt đáy ao, khi nhiệt độ 8 - 10 độ C cá sẽ xuống đó trú ẩn.

Với ếch: Làm hang cho ếch trú ẩn, hang làm bằng đất hoặc bằng các ống nhựa, ống tre, có một đầu rộng, các ống này dài 0,5 - 0,6m, đường kính 0,15 - 0,16m, bó thành từng bó 5 - 6 cái cho ếch chui vào trú, ống đặt ở góc hoặc thành bờ ao, trên ống dùng rơm rạ phủ để chắn gió cho ếch.

Với các loài thủy sản nuôi thương phẩm: Che kín ao bằng bạt nilon, lá dứa... để tránh gió lùa đưa không khí lạnh làm nhiệt độ nước giảm thấp. Khi trời rét đậm dùng tre làm giàn trên mặt ao, hồ che phủ kín bằng bạt nilon để tăng khả năng giữ nhiệt độ. Dưới ao bơm nước sâu 1,4 - 1,5m. Mặt ao thả bè tây, khoảng 2/3 diện tích ao về phía bắc để chắn gió.

Làm sọt tránh rét: Tạo một góc ao sâu về phía bắc, dùng các sọt đan bằng tre lấy rơm rạ dùng nước vôi phun vào sát trùng, phơi thật khô ấn đầy vào sọt, cắm cọc đơm sọt xuống đáy ao. Lúc trời rét cá, lươn... chui vào sọt tránh rét. Thường xuyên bơm nước giữ cao 1,4 - 1,5m cũng có tác dụng chống rét.

Xung quanh ao, bể nuôi cũng phải che kín bằng bạt nilon, lá dứa... Mặt ao, bể nuôi thả bè tây chiếm 2/3 diện tích về phía hướng gió. Dùng lá dứa khô tạo thành những ụ ở những chỗ

ếch thường nằm để ếch vào tránh rét.

Chế độ chăm sóc: Cần có chế độ chăm sóc thật đặc biệt, ngoài việc theo dõi thì phải cho ăn bằng thức ăn đủ chất dinh dưỡng hoặc thức ăn công nghiệp chất lượng cao hoặc bổ sung vitamin C vào khẩu phần ăn để các loài cá có đủ sức đề kháng bệnh tật cũng như khả năng chịu rét.

Lưu ý: Thời gian từ tháng 2-3 hàng năm, khi thời tiết thay đổi từ mùa đông sang mùa xuân, từ mùa thu sang mùa đông, cá dễ bị bệnh cần phải cho ăn thuốc phòng bằng loại thuốc Tiên Đắc I có bán ở các cơ sở trạm, trại cá với lượng 10g thuốc trộn với thức ăn là cám, gạo, bột mì đã nấu chín cho 50kg cá trong ao, cho ăn liên tục 2 - 3 ngày liền, cá sẽ chống được bệnh, nhất là bệnh đốm đỏ ở cá trong mùa xuân. Ngoài cho ăn thuốc phòng, những tháng 2, tháng 3 cần dùng vôi bột rắc xung quanh ao và giữa ao với lượng 5 - 7 kg/sào, nếu không có vôi có thể dùng tro bếp rắc khắp ao với lượng 8 - 10kg/sào. Dọn sạch cỏ, rác, thức ăn thừa ở nơi cho cá ăn, dùng vôi bột và sunphat đồng cho vào túi vải treo ở nơi cho ăn để diệt trùng và nấm gây bệnh cho cá phát triển đầu vụ xuân. Tất cả các biện pháp trên là phòng bệnh cho cá là chính, không để cho bệnh cá xảy ra. Nếu bệnh cá xuất hiện thì phải bắt, cách ly sớm những con cá bị bệnh để chữa trị, tránh lây lan ra đàn cá trong ao./.

**NGUYỄN HOẠT**

# BƯỞI

## LOẠI QUẢ

### NHIỀU LỢI ÍCH

**Trẻ đau trường bụng hoặc tiêu chảy do ăn không tiêu có thể chữa bằng cách: Lấy vỏ bưởi rửa sạch, cạo bỏ lớp ngoài, cắt thành từng khúc, nấu với nước sôi một lát rồi vắt nước, ngâm trong đường 1 tuần. Lấy nước mút nuốt dần, dùng liền 5 ngày.**

Nước bưởi chứa nhiều chất bổ dưỡng như các loại đường trái cây, đạm, béo, axit tannic, beta-caroten và các chất khoáng như phospho, sắt, canxi, kali,... các vitamin B1, B2, C.

Đồng ý cho rằng mỗi bộ phận của quả bưởi đều có tác dụng riêng. Cơm bưởi vị ngọt, chua, tính mát, không độc, có tác dụng kiện tỳ, trị ho, giải rượu. Vỏ ngoài chứa tinh dầu (vỏ trong thường dùng làm mút), vị cay, đắng, ngọt, tính ấm, có tác dụng trị ho, giảm đau. Hạt bưởi vị đắng, tính ấm, chứa chất béo, có tác dụng trị đau thoát vị bẹn, sa đì. Lá bưởi vị đắng, the, mùi thơm, tính ấm, có tác dụng tán hàn, tán khí, thông kinh lạc, giải cảm, trừ đờm, tiêu thực, hoạt huyết, tiêu sưng, tiêu viêm.

Theo y học hiện đại, nước bưởi có thành phần tựa như insulin, giúp hạ đường huyết, có tác dụng hỗ trợ đối

cúm, thường được dùng trong liệu pháp nấu nôi xông giải cảm. Ngoài ra, vỏ bưởi còn chứa nhiều flavonoid như naringosid, hesperidin, diosmin, diosmetin, hesperitin... có tác dụng bảo vệ thành mao mạch, giảm tính thấm, giúp cho mao mạch đàn hồi và bền vững hơn, từ đó ngăn ngừa tai biến do vỡ các mao mạch, gián tiếp giúp hạ huyết áp. Một số người còn dùng vỏ ngoài quả bưởi xoa trên da đầu để kích thích lỗ chân lông phòng trị bệnh hói hay rụng tóc.

### Một số bài thuốc có bưởi

#### 1. Chữa ho nhiều, đàm khí nghịch

- Cơm bưởi 100 g, rượu gạo 15 ml, mật ong 30 ml, chưng cách thủy cho chín nhừ, mỗi ngày ăn 1 lần.

- Cơm bưởi cắt nhuyễn cho vào bình, ngâm rượu, đậy kín 1 đêm, nấu nhừ, dùng mật ong trộn đều, ngâm nuốt thường xuyên.

#### 2. Rối loạn tiêu hóa, thai phụ miêng nhạt, nước dãi trào ngược

- Cơm bưởi 60 g, ăn hết một lần, mỗi ngày ăn 3 lần.

- Nước bưởi, mỗi lần dùng 50 g,

ngày 3 lần, dùng liền 5 ngày.

- Bưởi 5-8 quả ép lấy nước, dùng lửa nấu đặc, thêm 500 g mật ong, 100 g đường phèn, 10 ml nước gừng tươi, cùng nấu thành dạng cao, để nguội, đựng trong lọ. Mỗi lần dùng 15 ml, ngày 2 lần, dùng liền 5 ngày.

#### 3. Hôi miêng, giải rượu

- Cơm bưởi 100 g, nhai nuốt dần dần.

- Bưởi 1 quả lấy nước, vỏ quít 10 g, gừng tươi 6 g, thêm đường đen lượng vừa nấu chung, mỗi ngày dùng 1 liều, dùng liền trong 5 ngày.

#### 4. Say tàu xe hay rối loạn tiêu hóa, miêng nhạt buồn nôn do cảm

Mứt bưởi 30-60 g, nhai nuốt dần.

#### 5. Đau khớp hay ngã sưng đau

Vỏ bưởi tươi 250 g, gừng tươi 30 g, cùng băm nhuyễn, đắp tại chỗ, mỗi ngày thay 1 lần.

#### 6. Di ứng da hay mẩn ngứa không rõ nguyên nhân

Bưởi da xanh 1 quả, cắt bỏ nguyên quả, nấu nước thoa rửa tại chỗ, mỗi ngày làm 3 lần, đồng thời có thể ăn bưởi 60 g, mỗi ngày 3 lần.

#### 7. Thoát vị ben, sa đì

Hạt bưởi 15 g, băm nhuyễn nấu nước uống, ngày uống 1 lần vào sáng và chiều.

#### 8. Bong gân, sưng khớp do lạnh, chấn thương

Lá bưởi không kể liều lượng, nướng chín để nắn, xoa bóp hay nấu nước xông và ngâm tại chỗ.

**BS. HOÀNG LAN**



# Lời nói đầu

**B**ắc giang là một tỉnh miền núi, với 26 dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống tại 84 xã thuộc khu vực I, 55 xã thuộc khu vực II, 30 xã thuộc khu vực III, phân bố chủ yếu ở các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang và Tân Yên, trình độ dân trí cũng như phát triển kinh tế xã hội của đồng bào còn thấp. Toàn tỉnh có 634 thôn bản đặc biệt khó khăn, không những thiếu thông tin nói chung, thông tin khoa học công nghệ nói riêng, mà nhu cầu tiếp cận khoa học và công nghệ là rất lớn và cấp thiết. Trong những năm qua, Sở Khoa học và Công nghệ đã cung cấp một số ấn phẩm **Thông tin Khoa học và Công nghệ** đến với bạn đọc, phục vụ sản xuất và đời sống, trong đó có đồng bào dân tộc và thiểu số. Tuy nhiên, các loại ấn phẩm trên cũng chưa đáp ứng được nhu cầu đặc thù dành cho nông thôn, miền núi của tỉnh.

Để đáp ứng được nhu cầu trên, Sở Khoa học và Công nghệ cho ra mắt bạn đọc **Bản tin “Khoa học và Công nghệ” - Chuyên san: Nông thôn Miền núi**, mỗi tháng một số. Chuyên san nhằm phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước; cung cấp kiến thức khoa học và công nghệ để ứng dụng vào sản xuất và đời sống góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao dân trí, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc giang.

Ban biên tập Bản tin “Khoa học và Công nghệ” rất mong nhận được sự phối hợp, cộng tác của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cộng tác viên và đông đảo bạn đọc để Chuyên san ngày một hoàn thiện, phục vụ tốt nhất cho đồng bào các dân tộc tỉnh nhà.

Nhân dịp Xuân Canh Dần, Ban biên tập xin gửi đến tất cả bạn đọc cùng toàn thể gia đình lời chúc năm mới **“Hạnh phúc - An Khang - Thịnh vượng”**.

**Ban biên tập**

**Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Giảng Seo Phứ tiếp xúc với đồng bào dân tộc  
thiểu số huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang**

**Hội hát dân ca các dân tộc huyện Lục Ngạn**